

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2024 các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số: 233/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Nay hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1962

Địa chỉ: C A, phường B, TP., tỉnh Bình Định

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1962

Địa chỉ: A L, thành phố Q, tỉnh Bình Định

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T1

Địa chỉ: 38 Âu Cơ, phường Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

2. Ông Nguyễn Thế V

Địa chỉ: A L, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Thế V – bà Nguyễn Thị Xuân N
(Theo văn bản uỷ quyền ngày 04/12/2024)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Đặng Minh T, bà Nguyễn Thị Xuân N và bà Trần Thị T1 thống nhất hiện nay bà N, ông V còn nợ ông T, bà T1 tổng cộng 1.318.374.000 đồng, trong đó 1.205.444.000 đồng tiền gốc và 112.930.000 đồng tiền lãi.

- Ông Đặng Minh T, bà Nguyễn Thị Xuân N và bà Trần Thị T1 thống nhất cách trả nợ như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Nguyễn Thế V có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh T, bà Trần Thị T1 số tiền 1.318.374.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng) được chia thành 05 đợt, thời gian và số tiền cun thể như sau:

Đợt 1: Bà N, ông V có nghĩa vụ trả cho ông T bà T1 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 15/3/2025;

Đợt 2: Bà N, ông V có nghĩa vụ trả cho ông T bà T1 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 15/4/2025;

Đợt 3: Bà N, ông V có nghĩa vụ trả cho ông T2 ng bà T1 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 15/5/2025;

Đợt 4: Bà N, ông V trả có nghĩa vụ trả cho ông T bà T1 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 15/6/2025;

Đợt 5: Bà N, ông V có nghĩa vụ trả cho ông T bà T1 118.374.000 đồng (Một trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng) vào ngày 15/7/2025.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) **hoặc kể từ ngày có** đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Xuân N là người cao tuổi nên được miễn án phí; Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.887.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng);

- Ông Đặng Minh T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Thân Trọng Hiền

